

Bản án số: 658/2023/HS-PT
Ngày: 12-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Điểm cầu tổ chức phiên tòa trực tuyến gồm: Điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đ cầu thành phần - Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam T30 xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 400/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1244/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T; sinh ngày 08/10/1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Tổ F, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn C (đã chết) và bà: Ngô Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/4/2012 bị Công an huyện C bắt về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 13/01/2021 (có mặt).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo T: Ông Nguyễn Thanh Bảo D - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1); Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(Trong vụ án còn có bị cáo Trịnh Lâm L1, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2016 đến tháng 5/2017, có một số đối tượng (chưa xác định lai lịch) lợi dụng việc một số người dân đăng bán nhà hoặc có nhu cầu vay tiền để xin photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ tùy thân của chủ sở hữu, sau đó tạo tình huống thỏa thuận mua, đặt cọc tiền để chủ nhà tin tưởng, sơ hở rồi đánh tráo bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, nhóm đối tượng này thuê một số cá nhân khác đóng giả chủ nhà, làm giả giấy tờ tùy thân của chủ nhà để đến các văn phòng công chứng ký hợp đồng mua bán nhà và làm thủ tục đăng ký sang tên chuyển quyền sở hữu tại các Văn phòng đăng ký đất đai cho đồng bọn rồi sử dụng để thế chấp vay và chiếm đoạt tiền của Ngân hàng V1. Theo đó, Trịnh Lâm L1 và Trần Văn T là 2 đối tượng được thuê đóng giả làm chủ nhà, ký hợp đồng chuyển nhượng cho đối tượng khác để thế chấp cho Ngân hàng V1, cụ thể như sau:

Ngày 23/11/2016, Ngân hàng V1 – Chi nhánh S, ký Hợp đồng tín dụng số 10453067/TNT/HĐTD với Ngô Thị Mỹ K cho vay số tiền 980.000.000 đồng, thời hạn 300 tháng, mục đích vay để hoàn tiền mua căn hộ số 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng nhà ở là Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A, theo Hợp đồng thế chấp nhà ở số 10453067/TNT/HĐTC ngày 23/11/2016, được công chứng tại Văn phòng C2, Phường A, quận T và được Chi nhánh Văn phòng Đ1 đăng ký giao dịch bảo đảm, cập nhật thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/11/2016.

Tài sản thế chấp do Ngô Thị Mỹ K nhận chuyển nhượng từ ông Bùi Công T1 và Ngô Thị T2 (cùng ngụ tại Căn hộ H Chung cư C L, Phường E, Quận A), theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016 (được công chứng tại Văn phòng C3, phường B, quận T). Việc chuyển nhượng này được Chi nhánh Văn phòng Đ1 cập nhật sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2016.

Sau khi được duyệt giải ngân, Ngô Thị Mỹ K đã ủy nhiệm chi số tiền vay 980.000.000 đồng đến tài khoản số 111745118, đứng tên Nguyễn Quý T3, mở tại V1 Chi nhánh S (để thanh toán tiền theo giấy mượn tiền ngày 30/10/2016 giữa K và T3), khi nhận được tiền Nguyễn Quý T3 đã rút hết tiền mặt tại Ngân hàng. Từ khi vay đến nay, Ngô Thị Mỹ K không hoàn trả tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng V1 lần nào. Ngân hàng xác minh làm việc với chủ sở hữu tài sản là ông Bùi Công T1 và bà Ngô Thị T2 thì được biết ông T1, bà T2 từ trước đến nay không ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên cho ai và vẫn đang quản lý sử dụng căn hộ này.

Kết quả xác minh tại Văn phòng C3, xác định: Ngô Thị Mỹ K có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016 như trên với ông Bùi Công T1 và bà Ngô Thị T2;

Kết quả xác minh tại Văn phòng Đ1, xác định: Ngô Thị Mỹ K có thực hiện yêu cầu sang tên, chuyển quyền sử dụng đất ở và nhà ở đối với bất động sản như trên. Văn phòng Đ1 đã tiếp nhận và thực hiện việc sang tên, cập nhật thông tin chuyển quyền sử dụng đất ở, nhà ở vào bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bất động sản trên.

Tại Cơ quan điều tra, bà Ngô Thị T2 (chủ Căn hộ số 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A) khai: năm 2016 bà có vay của một đối tượng tên P (không rõ lai lịch) số tiền 60.000.000 đồng, cầm cố bằng bản chính giấy chứng nhận nhà ở của căn hộ nêu trên. Khi vay, bà T2 có photo các giấy tờ cá nhân của bà T2 và chồng để cung cấp cho đối tượng trên. Bà T2 không ký hợp đồng mua bán, chuyển nhượng sang tên hay thế chấp vay tiền tại Ngân hàng V1.

Ngày 15/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Ngô Thị T2 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016. Tại bản Kết luận giám định số 457/KLGD-TT, ngày 12/3/2019, của Phòng K1 Công an Thành phố H, xác định: chữ ký, chữ viết tên Ngô Thị T2 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 38065, ngày 31/10/2016, với Ngô Thị Mỹ K, không phải là chữ viết của bà Ngô Thị T2.

Kết quả tra cứu dấu vân tay của chủ nhà trên các hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xác định: Trịnh Lâm L1 là người giả bà Ngô Thị T2 và đối tượng Trần Văn T là người giả ông Bùi Công T1 lấn tay trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016, đối với Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A cho Ngô Thị Mỹ K.

Ngày 03/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay của Trần Văn T và Trịnh Lâm L1 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016. Kết quả giám định theo Kết luận số 1323/KLGD-TT

ngày 07/8/2020, của Phòng K1 Công an Thành phố H, xác định: dấu vân tay tên Bùi Công T1 lẫn trên hợp đồng trên là dấu vân tay của Trần Văn T, dấu vân tay tên Ngô Thị T2 lẫn trên hợp đồng trên là dấu vân tay của Trịnh Lâm L1.

Kết quả xác minh nhân thân, địa chỉ cư trú của Ngô Thị Mỹ K thể hiện: K có hộ khẩu thường trú tại 6 H, Phường A, Quận E. Qua xác minh tại Công an P1, Quận E, xác định K và gia đình hiện đang cư trú tại địa chỉ C tổ H, ấp D, xã B, huyện B. Xác minh tại Công an xã B, huyện B được biết: tại xã B không có địa chỉ: C tổ H, ấp D, xã B.

Kết quả xác minh đối với cá nhân nhận tiền vay từ Ngân hàng V1: sau khi Ngân hàng duyệt giải ngân, K đã ủy nhiệm chi số tiền vay 980.000.000 đồng đến tài khoản số 111745118, đứng tên Nguyễn Quý T3, mở tại V1 – Chi nhánh S. Căn cứ hồ sơ mở tài khoản, xác định: Nguyễn Quý T3 có hộ khẩu thường trú tại A Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ cư trú tại: số E D, Phường A, Quận H, sử dụng số điện thoại có số 0935088013. Kết quả xác minh tại Công an P2, Quận H thể hiện: từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015 Nguyễn Quý T3 có tạm trú tại số E D, Phường A, Quận H. Kết quả ủy thác điều tra tại Công an tỉnh Q, xác định T3 có hộ khẩu thường trú tại A Q, phường N, thành phố Q, tuy nhiên T3 không có mặt tại địa phương, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ làm gì, ở đâu. Kết quả xác minh thông tin thuê bao 0935088013, xác định T3 có hộ khẩu tại A Q, phường T, thành phố Q, ngoài ra không còn thông tin gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Lâm L1 khai: khoảng tháng 10/2016, L1 được một đối tượng tên L2 (không rõ lai lịch) thuê giả làm chủ nhà tên Ngô Thị T2 đến Văn phòng C3 tại quận T để ký, lẫn tay trên hợp đồng chuyển nhượng Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A cho Ngô Thị Mỹ K và được trả công 5.000.000 đồng. L1 không biết bà Ngô Thị T2 là ai, không biết Ngô Thị Mỹ K là ai. L1 xác nhận giấy chứng minh nhân dân tên Ngô Thị T2 có dán ảnh của L1, sử dụng để ký hợp đồng chuyển nhượng trên là do L1 cung cấp hình ảnh cho đối tượng trên để làm giả.

Trần Văn T thừa nhận hành vi giả ông Bùi Công T1 để ký tên, lẫn tay trên hợp đồng chuyển nhượng trên và khai: khoảng năm 2016, T được một đối tượng tên T4 (không rõ lai lịch) thuê để đóng giả chủ một căn nhà ký tên lẫn tay trên tại Văn phòng công chứng để chuyển nhượng cho người khác và sẽ được trả công. Do thiếu tiền tiêu xài nên T đồng ý, T4 yêu cầu T cung cấp hình ảnh để làm giả giấy chứng minh nhân dân của chủ nhà. Đến ngày 31/10/2016, T4 chở T đến Văn phòng C3 tại quận T và hướng dẫn T ký tên, lẫn tay vào hợp đồng trên bằng tên của ông Bùi Công T1. Tại đây, T thấy T4 có giữ giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Công T1 nhưng dán hình ảnh của T. Sau khi ký tên lẫn tay vào hợp đồng, T được T4 trả công 200.000 đồng. Từ đó đến nay, T không biết T4 sử dụng nhà vào việc gì. Hiện T4 làm gì, ở đâu T không rõ.

Trần Văn T và Trịnh Lâm L1 đã kiểm tra bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Công T1 và bản sao giấy chứng minh nhân dân tên Ngô Thị T2 (bản

do Văn phòng C3 cung cấp), xác nhận hình ảnh trên giấy chứng minh nhân dân này là do T và L1 cung cấp cho người thuê để dán vào làm giả. Trần Văn T và Trịnh Lâm L1 kiểm tra bản sao hợp đồng công chứng số 38065, ngày 31/10/2016, xác nhận chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay tên Bùi Công T1 và Ngô Thị T2 trên hợp đồng này là do T và L1 giả ông Bùi Công T1 và bà Ngô Thị T2 ký và lấn ra.

Đối với Ngô Thị Mỹ K ký hợp đồng nhận chuyển nhượng Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A, trên sau đó thế chấp cho Ngân hàng V1 để vay tiền và không thanh toán, Cơ quan điều tra đã xác minh địa chỉ cư trú nhưng không xác định được đang ở đâu nên chưa ghi lời khai làm rõ hành vi được. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở xem xét ra Quyết định xử lý đối với Ngô Thị Mỹ K được.

Đối với Nguyễn Quý T3, Cơ quan điều tra đã xác minh địa chỉ cư trú, thông tin liên lạc nhưng chưa xác định được T3 hiện ở đâu nên chưa ghi được lời khai để làm rõ nội dung việc nhận khoản tiền 980.000.000 đồng từ Ngô Thị Mỹ K. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm các đối tượng trên, làm rõ hành vi để xem xét xử lý sau.

Đối với các nhân viên Ngân hàng V1: Phạm Văn Phú C1, Trần Nam A là người đề xuất thực hiện các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như trên. Các nhân viên Võ Thành L3, Vũ Quang H, Võ Kế T5, Vương Xuân T6 là người thực hiện thẩm định, định giá tài sản thế chấp, khi thẩm tra thông tin tài sản đúng với thông tin sở hữu của người thế chấp nên không phát hiện được hành vi gian dối của các đối tượng trên. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xem xét xử lý đối với các cá nhân này.

Đối với Nguyễn Thành L4 là người giới thiệu các khách hàng trên cho các nhân viên khác để thẩm định thực hiện hồ sơ thế chấp. Căn cứ kết quả làm việc với L4 đến nay không xác định được L4 có quan hệ như thế nào với các cá nhân giới thiệu khách hàng cho L4, quan hệ của L4 với các cá nhân đứng tên thế chấp tài sản và các cá nhân nhận tiền vay. Cơ quan điều tra đã triệu tập L4 nhiều lần nhưng L4 không đến làm việc. Kết quả xác minh tại địa chỉ cư trú của L4 tại 4 D, Phường A, Quận H, xác định L4 hiện không còn ở tại đây, hiện đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xem xét xử lý hình sự đối với L4.

Ngoài hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp trên, Ngân hàng V1 còn ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và bị chiếm đoạt tiền với thủ đoạn tương tự, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng với khách hàng Nguyễn Minh D1 (sinh năm 1971, CMND số 022250082, HKTT: 4 H, Phường B, quận B), cho vay số tiền 4,3 tỷ đồng; Hợp đồng tín dụng với khách hàng Phạm Lê Minh T7, sinh năm 1990, CMND số 024408112, HKTT: 20/1B đường F, tổ E, ấp M, xã P, huyện C, vay số tiền 840.000.000 đồng.

Qua điều tra thể hiện không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Lâm L1, Trần Văn T trong vụ án này. Cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm

các đối tượng liên quan đến các hợp đồng tín dụng nêu trên để làm rõ hành vi và xem xét xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 100/CT-VKS-P2 ngày 08/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trịnh Lâm L1 và Trần Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13 tháng 01 năm 2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo Trịnh Lâm L1, phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2023 bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo học vấn thấp, bị người khác lôi kéo, nên không biết việc làm của bị cáo là phạm tội, bị cáo có bà ngoại là Mẹ Việt nam Anh hùng, có hai chú là liệt sỹ, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có phát sinh thêm tình tiết gì mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất tội danh và điều luật mà Tòa sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo T. Bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội do người khác lôi kéo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về tội danh:

Khoảng tháng 10/2016, Trịnh Lâm L1 và Trần Văn T được các đối tượng tên L2 và T4 (không rõ lai lịch) thuê giả làm chủ nhà có tên Ngô Thị T2 và Bùi Công T1, đến Văn phòng C3 tại quận T để ký, lăn tay trên Hợp đồng chuyển nhượng Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A cho Ngô Thị Mỹ K. L1 và T không biết bà Ngô Thị T2 và ông Bùi Công T1 là ai, cũng không biết Ngô Thị Mỹ K là ai.

Các đối tượng L2 và T4 yêu cầu L1, T cung cấp hình ảnh để làm giả giấy chứng minh nhân dân của chủ nhà. Đến ngày 31/10/2016, L2, L1 cùng với T4 chở T đến Văn phòng C3 tại quận T và L2, T4 hướng dẫn L1, T ký tên, lăn tay vào Hợp đồng chuyển nhượng Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A bằng tên của bà Ngô Thị T2 và ông Bùi Công T1. Sau khi ký tên lăn tay vào hợp đồng, L1 được L2 trả công 5.000.000 đồng, T được T4 trả công 200.000 đồng. Trần Văn T và Trịnh Lâm L1 xác nhận hình ảnh trên giấy chứng minh nhân dân khi ký hợp đồng công chứng là do T và L1 cung cấp cho người thuê. T và L1 cũng xác nhận chữ ký, chữ viết, dấu lăn tay tên Bùi Công T1 và Ngô Thị T2 trên bản sao Hợp đồng công chứng số 38065, ngày 31/10/2016 là do T và L1 giả ông Bùi Công T1 và bà Ngô Thị T2 ký và lăn tay.

Kết luận giám định số 457/KLGD-TT, ngày 12/3/2019 của Phòng K1 Công an Thành phố H, xác định: chữ ký, chữ viết tên Ngô Thị T2 và Bùi Công T1 trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 38065, ngày 31/10/2016, với Ngô Thị Mỹ K, không phải là chữ viết của bà Ngô Thị T2 và ông Bùi Công T1.

Kết quả tra cứu dấu vân tay của chủ nhà trên hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xác định: Trịnh Lâm L1 là người giả bà Ngô Thị T2 và Trần Văn T là người giả ông Bùi Công T1, lăn tay trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016, đối với Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư C L, Phường E, Quận A cho Ngô Thị Mỹ K.

Kết quả giám định theo Kết luận số 1323/KLGD-TT ngày 07/8/2020, của Phòng K1 Công an Thành phố H, xác định: Dấu vân tay tên Bùi Công T1 lăn trên hợp đồng trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 38065, ngày 31/10/2016 là dấu vân tay của Trần Văn T, dấu vân tay tên Ngô Thị T2 lăn trên hợp đồng trên là dấu vân tay của Trịnh Lâm L1.

Hành vi của các bị cáo đã giúp sức cho Ngô Thị Mỹ K chiếm đoạt của Ngân hàng V1 số tiền 980.000.000 đồng. Nên đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Văn T và Trịnh Lâm L1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Doanh nghiệp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội.

Xuất phát từ động cơ tư lợi, bị cáo Trần Văn T đã làm theo chỉ đạo của các đối tượng L2, T4 (không rõ lai lịch) sử dụng thủ đoạn gian dối là dùng chứng minh nhân dân gắn hình ảnh của các bị cáo nhưng mang tên Ngô Thị T2 và Bùi Công T1 là chủ sở hữu của Căn hộ 8.06 Lô A2 Chung cư 312 L, Phường E, Quận A, mạo danh chủ căn hộ để ký hợp đồng chuyển nhượng hộ nêu trên cho Ngô Thị Mỹ K. Từ đó K đã sử dụng tài sản này để thế chấp vay và chiếm đoạt số tiền 980.000.000 đồng của Ngân hàng V1.

Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn T là người có nhân thân xấu, vào ngày 19/4/2012 bị Công an huyện C bắt về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như trên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết: bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn ăn năn hối cải, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo với vai trò giúp sức, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho theo quy định tại các điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên xử bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết gì mới so với bản án sơ thẩm đã nhận định và áp dụng cho bị cáo. Do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các phân tích, nhận định nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và không chấp nhận lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13 tháng 01 năm 2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn T để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh Đỗ Đình Thanh

Vương Minh Tâm